

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)
Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : 04.6276 5555
Fax : 04.6276 5556
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai
Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888
Fax

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Lựa chọn đơn vị kiểm toán

- Báo cáo tài chính quý I năm 2018

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường dẫn:

<https://bhhk.com.vn/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hoàng Mai

Nguyễn Hoàng Mai

Tài liệu gửi kèm:

-Báo cáo tài chính quý I năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu số B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,075,546,720,217	1,165,225,203,189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	82,732,262,475	288,666,117,694
1. Tiền	111		82,732,262,475	273,666,117,694
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	437,305,445,698	482,348,485,456
1. Đầu tư ngắn hạn	121		438,667,997,649	482,626,985,996
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	129		(1,362,551,951)	(278,500,540)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		308,800,400,479	155,186,416,992
1. Phải thu của khách hàng	131		167,254,808,381	150,519,202,402
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	96,667,331,572	87,838,397,055
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	70,574,486,809	62,680,805,347
2. Trả trước cho người bán	132		3,255,893,738	1,844,490,800
4. Các khoản phải thu khác	136	9	175,800,901,247	40,264,874,166
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139	10	(37,511,202,887)	(37,442,150,376)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,766,314,083	17,760,672,282
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	18,738,544,666	17,759,875,001
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		17,190,724,030	16,259,042,027
1.2. Chi phí trả trước chưa phân bổ	151.2		1,547,820,636	1,500,832,974
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27,769,417	797,281
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	16	-	-
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	227,942,297,482	221,263,510,765
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		105,458,367,946	97,305,273,933
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		122,483,929,536	123,958,236,832
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		588,274,973,917	516,712,903,605
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	9	10,342,473,938	10,353,473,938
4. Phải thu dài hạn khác	218		10,342,473,938	10,353,473,938
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		3,342,473,938	3,353,473,938
II. Tài sản cố định	220		6,929,898,255	7,403,211,853
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6,481,731,705	6,926,689,093
- Nguyên giá	222		22,519,137,136	22,519,137,136
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16,037,405,431)	(15,592,448,043)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	448,166,550	476,522,760
- Nguyên giá	228		1,750,350,000	1,750,350,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,302,183,450)	(1,273,827,240)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	569,317,382,384	493,883,696,384
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		55,550,000,000	55,550,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		513,767,382,384	438,333,696,384
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,685,219,340	5,072,521,430
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,685,219,340	5,072,521,430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,663,821,694,134	1,681,938,106,794

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		843,383,210,776	855,720,229,185
I. Nợ ngắn hạn	310		843,280,315,557	855,014,748,492
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	79,546,608,317
2. Phải trả cho người bán	312		140,940,491,934	119,679,875,262
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	135,478,395,144	114,533,985,348
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		5,462,096,790	5,145,889,914
3. Người mua trả tiền trước	313		7,355,121,099	7,485,016,730
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	10,566,885,602	10,218,760,868
5. Phải trả cho người lao động	315		8,219,406,200	17,365,403,096
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	8,780,108,401	2,011,916,646
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	27,537,543,818	24,685,533,444
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		23,219,806	237,751,113
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	639,857,538,697	593,783,883,016
13.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		362,295,470,559	331,353,087,008
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		236,525,556,982	222,800,122,138
13.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		41,036,511,156	39,630,673,870
II. Nợ dài hạn	330		102,895,219	705,480,693
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		101,895,219	704,480,693
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		820,438,483,358	826,217,877,609
Vốn chủ sở hữu	410	19	820,438,483,358	826,217,877,609
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	800,000,000,000
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		10,985,112,079	10,985,112,079
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9,453,371,279	15,232,765,530
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,663,821,994,034	1,681,938,106,794


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2018


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 1 năm 2018	Quý 1 năm 2017 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 1/2018	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 1/2017 (Phân loại lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	131,237,251,625	85,450,800,974	131,237,251,625	85,450,800,974
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	16,210,600,018	8,327,289,107	16,210,600,018	8,327,289,107
4. Thu nhập khác	13	114,060,482	50,891,596	114,060,482	50,891,596
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	131,602,672,495	87,921,573,870	131,602,672,495	87,921,573,870
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	-	-	-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	1,916,176,548	(715,274,306)	1,916,176,548	(715,274,306)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	19,821,808,601	16,437,814,002	19,821,808,601	16,437,814,002
9. Chi phí khác	24	648,732	853,044	648,732	853,044
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50	(5,779,394,251)	(9,815,984,933)	(5,779,394,251)	(9,815,984,933)
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-	-	-
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	(5,779,394,251)	(9,815,984,933)	(5,779,394,251)	(9,815,984,933)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)*Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018***MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2018	Quý 1 năm 2017 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 1/2018	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 1/2017 (Phân loại lại)
1	2				3	4
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	1	20	170,280,503,786	119,564,186,532	170,280,503,786	119,564,186,532
- Phí bảo hiểm gốc	1.1		195,232,110,902	136,563,155,788	195,232,110,902	136,563,155,788
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.2		5,990,776,435	5,041,417,851	5,990,776,435	5,041,417,851
- Tăng(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.3		30,942,383,551	22,040,387,107	30,942,383,551	22,040,387,107
2. Phí nhượng tái bảo hiểm(02=02.1-02.2)	2	21	52,486,060,412	41,622,928,850	52,486,060,412	41,622,928,850
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	2.1		60,639,154,425	43,773,514,286	60,639,154,425	43,773,514,286
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2.2		8,153,094,013	2,150,585,436	8,153,094,013	2,150,585,436
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	3		117,794,443,374	77,941,257,682	117,794,443,374	77,941,257,682
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	4		13,442,808,251	7,509,543,292	13,442,808,251	7,509,543,292
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1		13,019,877,856	7,470,074,792	13,019,877,856	7,470,074,792
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.2		422,930,395	39,468,500	422,930,395	39,468,500
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		131,237,251,625	85,450,800,974	131,237,251,625	85,450,800,974
6. Chi bồi thường (11.1-11.2)	11		55,421,177,973	26,972,818,230	55,421,177,973	26,972,818,230
- Tổng chi bồi thường	11.1		55,421,177,973	26,972,818,230	55,421,177,973	26,972,818,230
- Các khoản giảm trừ (Thu hồi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		-	-	-	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		19,419,576,915	4,662,461,424	19,419,576,915	4,662,461,424
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận TBH	13		13,725,434,844	14,227,671,631	13,725,434,844	14,227,671,631
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(1,474,307,296)	462,176,490	(1,474,307,296)	462,176,490
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15= 11-12+13-14)	15	22	51,201,343,198	36,075,851,947	51,201,343,198	36,075,851,947
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		1,405,837,286	978,337,998	1,405,837,286	978,337,998
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm(17=17.1+17.2)	17	23	78,995,492,011	50,867,383,925	78,995,492,011	50,867,383,925
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		8,052,075,546	6,002,912,041	8,052,075,546	6,002,912,041
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		70,943,416,465	44,864,471,884	70,943,416,465	44,864,471,884
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		131,602,672,495	87,921,573,870	131,602,672,495	87,921,573,870
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		(365,420,870)	(2,470,772,896)	(365,420,870)	(2,470,772,896)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2018	Quý 1 năm 2017 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 1/2018	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 1/2017 (Phân loại lại)
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	16,210,600,018	8,327,289,107	16,210,600,018	8,327,289,107
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	1,916,176,548	(715,274,306)	1,916,176,548	(715,274,306)
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		14,294,423,470	9,042,563,413	14,294,423,470	9,042,563,413
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	19,821,808,601	16,437,814,002	19,821,808,601	16,437,814,002
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		(5,892,806,001)	(9,866,023,485)	(5,892,806,001)	(9,866,023,485)
23. Thu nhập khác	31		114,060,482	50,891,596	114,060,482	50,891,596
24. Chi phí khác	32		648,732	853,044	648,732	853,044
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		113,411,750	50,038,552	113,411,750	50,038,552
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(5,779,394,251)	(9,815,984,933)	(5,779,394,251)	(9,815,984,933)
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-	-	-
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(5,779,394,251)	(9,815,984,933)	(5,779,394,251)	(9,815,984,933)


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1	
		2018	2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	279,679,481,191	128,439,222,433
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(214,744,196,531)	(61,760,223,110)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(33,804,319,198)	(25,266,907,996)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(1,813,440,979)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	12,912,015,604	421,978,143,708
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(22,505,891,286)	(434,506,509,455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19,723,648,801	28,883,725,580
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1,219,090,909)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(164,000,380,693)	(384,902,261,804)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	106,000,000,000	276,696,933,541
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(88,433,686,000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	315,930,796	17,923,583,314
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(146,118,135,897)	(91,550,835,858)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(79,546,608,317)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(79,546,608,317)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(205,941,095,413)	(62,667,110,278)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	288,666,117,694	294,534,377,663
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	7,240,194	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	82,732,262,475	231,917,267,385


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 800 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 756 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 731 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hai mươi chín (29) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An và Sở Giao dịch, VNI Thái Nguyên.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:
Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\begin{array}{c} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các công ty này ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2018 (Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bằng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng năm nay để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2,695,789,512	1,965,150,465
Tiền gửi ngân hàng	79,743,862,662	271,700,967,229
Tiền đang chuyển	292,610,301	-
Các khoản tương đương tiền (i)	-	15,000,000,000
	82,732,262,475	288,666,117,694

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	438,667,997,649	(1,362,551,951)	482,626,985,996	(278,500,540)
a) Chứng khoán kinh doanh	33,167,997,649	(1,362,551,951)	11,126,985,996	(278,500,540)
- Tổng giá trị cổ phiếu	33,167,997,649	(1,362,551,951)	11,126,985,996	(278,500,540)
b) Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	405,500,000,000	-	471,500,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	405,500,000,000	-	471,500,000,000	-
Đầu tư dài hạn	569,317,382,384	-	493,883,696,384	-
a) Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	1,000,000,000	-	14,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	1,000,000,000	-	14,000,000,000	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	57,540,000,000	-	57,540,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (ii)	55,550,000,000	-	55,550,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (iii)	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
c) Đầu tư khác	510,777,382,384	-	422,343,696,384	-
- Các khoản đầu tư mua cổ phiếu OTC (iv)	510,777,382,384	-	422,343,696,384	-

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(ii) Thẻ hiện khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp với số tiền: 55,550,000,000 VND tương đương tỷ lệ góp vốn 25% vốn điều lệ.

(iii) Thẻ hiện khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn năm giữ trên 01 năm.

(iv) Thẻ hiện khoản đầu tư mua cổ phiếu của các công ty: khoản đầu tư mua 2.751.200 cổ phiếu OTC của Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Thống Nhất với số tiền 131,945,681,850 VND (tỷ lệ sở hữu 19,24%); khoản đầu tư mua 1.276.365 cổ phiếu OTC của Công ty CP Armephaco với số tiền 57.898.014.534 VND (tỷ lệ sở hữu 9,82%), khoản đầu tư mua 4.650.000 cổ phiếu OTC của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công Mỹ Nghệ với số tiền: 232,500,000,000 đồng (tỷ lệ sở hữu 9,19%); khoản đầu tư mua 8.093.426 cổ phiếu OTC của Công ty cổ phần và kinh doanh đầu tư Việt Hà với số tiền 88.433.686.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	41,332,711,471	49,553,993,649
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	39,261,578,649	30,720,001,800
- Phải thu phí của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	2,071,132,822	18,833,991,849
+ Công ty bảo hiểm PVI	1,289,129,352	16,794,260,937
+ Công ty bảo hiểm khác	782,003,470	2,039,730,912
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	16,465,607,024	14,106,771,921
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	35,274,118,456	21,902,725,189
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp đồng bảo	2,137,444,721	791,476,396
e) Phải thu khác	1,483,429,900	1,483,429,900
	96,693,311,572	87,838,397,055

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	22,684,488,488	15,362,911,094
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ Phần Sông Đà-Thăng Long (i)	43,155,858,321	43,155,858,321
Phải thu khác	4,734,140,000	4,162,035,932
	70,574,486,809	62,680,805,347

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 26.744.374.169 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 10).

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	175,800,901,247	40,264,874,166
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	65,906,133	68,106,133
Tạm ứng cho cán bộ	10,794,520,840	1,454,871,118
Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước (i)	0	14,625,000,000
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T (ii)	0	23,277,260,274
Tổng Công ty rau quả, nông sản-Công ty cổ phần (iii)	163,769,863,013	
Khác	1,170,611,261	839,636,641
b) Dài hạn	10,342,473,938	10,353,473,938
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược khác	3,342,473,938	3,353,473,938
	186,143,375,185	50,618,348,104

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(i) Thể hiện khoản tiền lãi do Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước trả cho Hợp đồng hợp tác kinh "Khai thác Dự án Khu đô thị mới Quốc tế Đa Phước" số 01/2017/HĐHT/ĐP-VNI giữa Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước và Tổng Công ty ngày 11 tháng 01 năm 2017. Số tiền lãi Tổng công ty đã thu hồi hết trong tháng 1/2018.

(ii) Thể hiện khoản tiền 23.000.000.000 VND chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T và khoản lợi nhuận hợp tác ước tính 277.260.274 VND theo Hợp tác hợp tác kinh doanh khai thác "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà ở và dịch vụ thương mại" số 01/2017/HĐHT/CKĐT-VNI giữa Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T và Tổng Công ty ngày 23/11/2017. Theo thỏa thuận, lợi nhuận hợp tác được căn cứ vào tình hình triển khai và khai thác dự án thực tế nhưng Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T đảm bảo mức chi trả lợi nhuận hợp tác tối thiểu 10,00%/năm tính trên số tiền hợp tác, tính theo số ngày thực tế mà Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T nắm giữ số tiền hợp tác do Tổng Công ty chuyển. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Tổng Công ty đã thu hồi hết khoản tiền hợp tác và lợi nhuận theo hợp đồng.

(iii) Thể hiện khoản tiền 160.000.000.000 VND chuyển tiền cho Tổng công ty rau quả, nông sản-Công ty cổ phần và khoản lợi nhuận hợp tác ước tính 3.769.863.013 VND theo Hợp tác hợp tác đầu tư phát triển Dự án xây dựng công trình số 01/018/TTNT/VNI-VEGETEXCO giữa Tổng công ty rau quả, nông sản-Công ty cổ phần và Tổng Công ty ngày 04/01/2018. Theo thỏa thuận, lợi nhuận hợp tác được căn cứ vào tình hình triển khai và khai thác dự án thực tế nhưng Tổng công ty rau quả, nông sản-Công ty cổ phần đảm bảo mức chi trả lợi nhuận hợp tác tối thiểu 10,00%/năm tính trên số tiền hợp tác, tính theo số ngày thực tế mà Tổng công ty rau quả, nông sản-Công ty cổ phần nắm giữ số tiền hợp tác do Tổng Công ty chuyển. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Tổng Công ty đang ghi nhận lợi nhuận hợp tác ước tính vào doanh thu tài chính trong kỳ dựa trên mức lợi nhuận hợp tác tối thiểu là 10%/năm với số tiền là 3.769.863.013 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

10. NỢ XẤU

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	48,196,542,391	37,511,202,887	47,751,847,311	37,442,150,376
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	43,155,858,321	33,272,401,590	43,155,858,321	33,272,401,590
Các đối tượng khác	5,040,684,070	4,238,801,297	4,595,988,990	4,169,748,786

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2018:

	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng nợ
Phí bảo hiểm gốc	983,577,950	124,122,648	36,183,887	3,727,266,079	4,871,150,564
Phải thu tái bảo hiểm	31,772,297	-	60,737,033	77,024,176	169,533,506
Cộng	1,015,350,247	124,122,648	96,920,920	3,804,290,255	5,040,684,070

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Q1 năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
Số dư đầu năm	16,259,042,027	12,098,725,498
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	4,436,678,262	16,259,042,027
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(3,504,996,259)	(12,098,725,498)
Số dư cuối kỳ	17,190,724,030	16,259,042,027
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,547,820,636	1,500,832,974
	1,547,820,636	1,500,832,974
	18,738,544,666	17,759,875,001

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	105,458,367,946	97,305,273,933
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	122,483,929,536	123,958,236,832
	227,942,297,482	221,263,510,765

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2018	10,665,654,045	11,853,483,091	22,519,137,136
Tăng trong kỳ	-	-	0
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2018	10,665,654,045	11,853,483,091	22,519,137,136
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2018	5,497,937,887	10,094,510,156	15,592,448,043
Khấu hao trong kỳ	237,055,821	207,901,567	444,957,388
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2018	5,734,993,708	10,302,411,723	16,037,405,431
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2018	5,167,716,158	1,758,972,935	6,926,689,093
Số dư tại ngày 31/03/2018	4,930,660,337	1,551,071,368	6,481,731,705

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính, website VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2018	1,750,350,000	1,750,350,000
Tăng trong kỳ	-	0
Giảm trong kỳ	0	0
Số dư tại ngày 31/03/2018	1,750,350,000	1,750,350,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2018	1,273,827,240	1,273,827,240
Tăng trong kỳ	28,356,210	28,356,210
Giảm trong kỳ		0
Số dư tại ngày 31/03/2018	1,302,183,450	1,302,183,450
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 01/01/2018	476,522,760	476,522,760
Số dư tại ngày 31/03/2018	448,166,550	448,166,550

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	110,416,536,917	94,325,238,438
Công ty Willis Singapore	41,902,483,869	34,433,487,443
Công ty Willis London	2,867,210,943	14,793,183,763
Công ty Korean Re	22,979,356,545	16,131,576,882
AON Benfield Asia PTE Ltd	20,151,885,458	9,005,418,813
Các công ty bảo hiểm khác	22,515,600,102	19,961,571,537
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	3,774,835,826	2,519,453,191
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	16,535,052,088	14,114,149,667
Tổng công ty bảo hiểm Xuân Thành	1,907,528,152	1,907,528,152
Tổng công ty tái bảo hiểm Việt Nam	5,065,004,498	4,844,989,478
Các khách hàng, công ty bảo hiểm khác	9,562,519,438	7,361,632,037
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	2,404,596,566	2,142,830,787
e) Phải trả khác	2,347,373,747	1,432,313,265
	135,478,395,144	114,533,985,348

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
b. Số phải trả	10,566,885,602	10,218,760,868
Thuế giá trị gia tăng	9,123,527,779	7,084,065,757
Thuế thu nhập cá nhân	518,141,374	352,011,654
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109,129,830	1,922,570,809
Thuế khác	672,760	23,781,080
Thuế, phí phải nộp khác	815,413,859	836,331,568

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Q1 năm 2018 VND	Năm 2017 VND
(1) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
Số dư đầu kỳ	24,685,533,444	7,812,612,599
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	7,689,552,902	24,685,533,444
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(4,837,542,528)	(7,812,612,599)
Số dư cuối kỳ	27,537,543,818	24,685,533,444
(2) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả Bảo hiểm xã hội	263,048,532	153,383,201
Phải trả Bảo hiểm y tế	39,368,027	19,939,431
Phải trả kinh phí Công đoàn	670,179,558	511,071,187
Phải trả cho các cổ đông	214,413,900	214,413,900
Phải trả khác	7,593,098,384	1,113,108,927
	8,780,108,401	2,011,916,646
	36,317,652,219	26,697,450,090

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

	31/03/2018		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
1. Dự phòng bồi thường	236,525,556,982	122,483,929,536	114,041,627,446
Trong đó:			-
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.	214,511,932,589	116,022,418,507	98,489,514,082
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo IBNR	22,013,624,393	6,461,511,029	15,552,113,364
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	362,295,470,559	105,458,367,946	256,837,102,613
Cộng	598,821,027,541	227,942,297,482	370,878,730,059

Trong đó chi tiết:

	Từ ngày 01/01/2018 đến 31/03/2018		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
1. Dự phòng bồi thường			
Số dư tại ngày 01/01/2018	222,800,122,138	123,958,236,832	98,841,885,306
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	13,725,434,844	(1,474,307,296)	15,199,742,140
Số dư tại ngày 31/03/2018	236,525,556,982	122,483,929,536	114,041,627,446

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học

	Từ ngày 01/01/2018 đến 31/03/2018		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
Số dư tại ngày 01/01/2018	331,353,087,008	97,305,273,933	234,047,813,075
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	30,942,383,551	8,153,094,013	22,789,289,538
Số dư tại ngày 31/03/2018	362,295,470,559	105,458,367,946	256,837,102,613

3. Dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối

	Quý 1 năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu kỳ	39,630,673,870	34,875,853,476
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	1,405,837,286	4,754,820,394
Số dư cuối kỳ	41,036,511,156	39,630,673,870

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Tổng cộng VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016</i>				
Số dư tại 01/01/2017	500,000,000,000	10,183,387,577	5,525,531,307	515,708,918,884
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(5,200,000,000)	(5,200,000,000)
Lãi năm 2017			16,034,490,032	16,034,490,032
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)		801,724,502	(801,724,502)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(325,531,307)	(325,531,307)
Tăng vốn chủ sở hữu (ii)	300,000,000,000			300,000,000,000
Số dư tại 31/12/2017	800,000,000,000	10,985,112,079	15,232,765,530	826,217,877,609
<i>Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2018</i>				
Số dư tại 01/01/2018	800,000,000,000	10,985,112,079	15,232,765,530	826,217,877,609
Lãi (Lỗ) năm 2018			(5,779,394,251)	(5,779,394,251)
Số dư tại 31/03/2018	800,000,000,000	10,985,112,079	9,453,371,279	820,438,483,358

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
Thu phí bảo hiểm gốc	195,288,455,549	136,647,672,883
Bảo hiểm hàng không	12,128,935,934	12,119,455,610
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	6,598,914,580	6,953,896,401
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	10,080,321,568	15,093,980,997
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	6,213,025,244	7,150,269,175
Bảo hiểm xe cơ giới	149,026,025,881	90,965,268,680
Bảo hiểm cháy, nổ	8,920,654,486	1,539,428,005
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,382,771,300	1,258,630,588
Bảo hiểm trách nhiệm chung	870,226,062	1,532,931,046
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	67,580,494	33,812,381
Các khoản giảm phí bảo hiểm gốc	(56,344,646)	(84,517,095)
Phí nhận tái bảo hiểm	5,991,661,343	5,052,212,703
Bảo hiểm hàng không	-	(715,221,363)
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	3,841,349,771	3,194,183,639
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	1,166,134,556	1,452,495,666
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	105,292,226	166,607,886
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy, nổ	313,019,580	833,209,481
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	562,317,251	4,848,352
Bảo hiểm trách nhiệm chung	-	103,254,763
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	3,547,959	12,834,280
<i>Bảo hiểm khác</i>	-	-
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)	(884,909)	(10,794,853)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(30,942,383,551)	(22,040,387,107)
Cộng	170,280,503,786	119,564,186,532

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	60,639,154,425	43,773,514,286
Bảo hiểm hàng không	12,242,678,357	11,889,247,722
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	-	-
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	6,602,822,270	4,392,622,724
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	3,685,582,125	4,865,549,878
Bảo hiểm xe cơ giới	29,780,652,993	15,047,659,223
Bảo hiểm cháy, nổ	7,578,060,935	6,882,095,477
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	639,949,264	548,986,559
Bảo hiểm trách nhiệm chung	51,990,970	118,632,680
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	57,417,511	28,720,023
<i>Bảo hiểm khác</i>	-	-
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(8,153,094,013)	(2,150,585,436)
Cộng	52,486,060,412	41,622,928,850

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
Chi bồi thường	55,421,177,973	26,972,818,230
Bảo hiểm hàng không	6,340,927,182	2,280,645,736
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	5,032,706,473	2,850,146,424
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	1,358,710,622	2,151,291,069
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	383,486,203	781,254,756
Bảo hiểm xe cơ giới	38,496,647,351	17,931,827,825
Bảo hiểm cháy, nổ	3,026,043,111	813,744,506
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	548,098,401	109,362,414
Bảo hiểm trách nhiệm chung	234,558,630	54,545,500
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(19,419,576,915)	(4,662,461,424)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13,725,434,844	14,227,671,631
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1,474,307,296	(462,176,490)
Cộng	51,201,343,198	36,075,851,947

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	8,052,075,546	6,002,912,041
Chi đòi người thứ 3	-	-
Chi xử lý hàng bồi thường 100%	-	-
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	409,090,909	4,125,083
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	94,771,232	-
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	44,257,783,388	27,392,693,464
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH	25,394,595,974	16,862,920,026
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	745,094,145	512,102,957
Chi phí khác	42,080,817	92,630,354
Cộng	78,995,492,011	50,867,383,925

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7,637,127,497	4,395,862,990
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	4,216,643,273	3,253,477,127
<i>Lãi trái phiếu</i>	-	1,158,169,898
<i>Thu lãi đầu tư cổ phiếu</i>	4,216,643,273	2,095,307,229
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	603,590,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	19,842,947	-
<i>Lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	3,769,863,013	74,358,990
Doanh thu hoạt động tài chính khác	567,123,288	-
	16,210,600,018	8,327,289,107

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10,467,328	5,873,051
Chi phí kinh doanh chứng khoán	746,385,918	3,424,885,479
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	1,084,051,411	(4,146,032,836)
Chi phí lãi vay	-	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	75,271,891	-
	1,916,176,548	(715,274,306)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	9,866,337,116	8,432,925,592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,766,652,371	5,297,120,509
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	69,052,511	206,728,523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	473,313,598	481,547,146
Chi phí dụng cụ văn phòng	3,074,476,459	1,782,365,353
Chi phí vật liệu quản lý	111,284,200	48,245,700
Thuế, phí và lệ phí	196,009,679	125,436,893
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	341,000	
Chi phí quản lý khác	264,341,667	63,444,286
	19,821,808,601	16,437,814,002

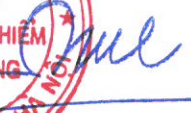
27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính năm cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Nội dung	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017		
		Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	55,461,110,016	(4,593,726,091)	50,867,383,925
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	49,458,197,975	(4,593,726,091)	44,864,471,883
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11,844,087,911	4,593,726,091	16,437,814,002


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng


Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2018